



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT **ngày** 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 **ngày** 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch (từ ngày 19/6/2020)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch (đến ngày 19/6/2020)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định,



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự phòng đầu tư tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong khoản mục đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty có khoản đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ là 17.423 triệu VND (1/1/2020: 13.244 triệu VND). Tuy nhiên, công ty liên kết này, trên thực tế, chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn từ 1 đến 3 năm với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 37.444 triệu VND (1/1/2020: 53.143 triệu VND). Trong trường hợp Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, tài sản và nợ phải trả thuần, cũng như khoản mục vốn chủ sở hữu thực có của công ty này sẽ thay đổi. Do hạn chế về thông tin liên quan đến những khách hàng này của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản phải thu nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục đầu tư vào công ty liên kết và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020; phần lãi trong công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế TNDN và lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày.

Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề tương tự đối với các khoản mục đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các khoản mục phần lãi trong công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế TNDN và lỗ cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Vấn đề đó có thể ảnh hưởng tới thông tin so sánh có liên quan được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00236-21-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2021



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		399.041.479.712	470.021.424.991
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.298.315.675	38.393.001.380
Tiền	111		19.298.315.675	38.393.001.380
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	5.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.498.756.648	202.445.347.961
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	202.645.779.157	196.175.787.808
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.033.512.761	1.804.991.152
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.500.000.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	4.464.623.090	4.869.663.436
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.145.158.360)	(6.405.094.435)
Hàng tồn kho	140	11	157.800.774.971	209.541.970.685
Hàng tồn kho	141		159.072.818.763	216.854.834.883
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.272.043.792)	(7.312.864.198)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.443.632.418	9.641.104.965
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	3.005.975.098	1.775.066.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.317.831.379	7.842.229.437
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19(a)	119.825.941	23.809.455

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		729.302.873.152	794.792.510.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.461.807.506	9.558.257.638
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	9.461.807.506	9.558.257.638
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(2.000.000.000)	-
Tài sản cố định	220		642.835.533.531	676.271.795.421
Tài sản cố định hữu hình	221	12	632.558.201.240	663.353.609.006
Nguyên giá	222		1.218.133.283.417	1.192.297.375.085
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(585.575.082.177)	(528.943.766.079)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	9.962.332.291	12.540.186.415
Nguyên giá	225		14.580.151.169	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.617.818.878)	(2.039.964.754)
Tài sản cố định vô hình	227		315.000.000	378.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(383.000.000)	(320.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	14	8.059.395.189	8.522.120.729
Nguyên giá	231		17.955.138.931	15.852.961.931
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.895.743.742)	(7.330.841.202)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.461.496.771	46.842.686.983
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	18.461.496.771	46.842.686.983
Đầu tư tài chính dài hạn	250		43.476.056.838	42.411.687.909
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	37.727.501.838	38.163.132.909
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	4.400.000.000	2.900.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.008.583.317	11.185.962.165
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	8.790.942.477	10.948.369.269
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	217.640.840	237.592.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.128.344.352.864	1.264.813.935.836

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		923.626.902.661	1.061.961.324.167
Nợ ngắn hạn	310		489.969.027.362	579.142.001.395
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	77.505.517.154	161.226.023.913
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.767.110.620	10.669.105.549
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	1.473.518.475	2.260.643.560
Phải trả người lao động	314		13.526.604.721	15.212.333.938
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.784.561.968	2.667.796.383
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.876.334.882	528.145.243
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	5.118.936.060	3.615.250.181
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	382.935.401.653	380.442.423.896
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	1.981.041.829	2.520.278.732
Nợ dài hạn	330		433.657.875.299	482.819.322.772
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	10.251.747.659	12.863.460.346
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	6.331.923.822	9.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	416.789.635.790	460.425.770.576
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	284.568.028	198.168.028
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		204.717.450.203	202.852.611.669
Vốn chủ sở hữu	410	25	204.717.450.203	202.852.611.669
Vốn cổ phần	411	26	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	68.047.855.709	67.934.144.087
Lỗ lũy kế	421		(11.359.713.615)	(11.862.335.395)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(12.056.188.656)	(189.956.260)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		696.475.041	(11.672.379.135)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.041.483.597	10.792.978.465
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.128.344.352.864	1.264.813.935.836

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.128.375.454.129	1.151.220.595.877
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	-	45.454.545
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.128.375.454.129	1.151.175.141.332
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.044.115.218.206	1.081.288.104.328
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		84.260.235.923	69.887.037.004
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	19.721.464.533	18.167.891.488
Chi phí tài chính	22	32	65.811.694.762	65.559.892.834
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.955.571.087	54.166.445.513
Phần lãi trong công ty liên kết	24		10.575.313.929	11.900.705.454
Chi phí bán hàng	25	33	11.753.732.832	12.439.414.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	34.902.439.016	33.330.546.940
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.089.147.775	(11.374.219.860)
Thu nhập khác	31		1.099.676.947	2.704.678.920
Chi phí khác	32		1.109.222.232	273.776.535
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(9.545.285)	2.430.902.385
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.079.602.490	(8.943.317.475)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	463.807.058	2.285.941.169
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	106.352.056	(575.580.673)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		1.509.443.376	(10.653.677.971)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)			1.509.443.376	(10.653.677.971)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		696.475.041	(11.672.379.135)
Cổ đông không kiểm soát	62		812.968.335	1.018.701.164
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	37	51	(858)

Người lập:

Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	2.079.602.490	(8.943.317.475)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	66.965.058.647	67.192.291.231
Các khoản dự phòng	03	(300.756.481)	(2.124.562.461)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.700.319.172)	(1.287.713.960)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.569.686.071)	(2.144.650.902)
Chi phí lãi vay	06	53.955.571.087	54.166.445.513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	107.429.470.500	106.858.491.946
Biến động các khoản phải thu	09	4.301.803.980	(83.858.833.196)
Biến động hàng tồn kho	10	57.782.016.120	59.217.166.617
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(98.003.713.597)	135.536.144.585
Biến động chi phí trả trước	12	885.000.599	5.623.441.957
		72.394.577.602	223.376.411.909
Tiền lãi vay đã trả	14	(51.445.049.224)	(55.730.050.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.142.822.325)	(1.277.505.271)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(741.468.591)	(977.587.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.065.237.462	165.391.268.080
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.934.207.312)	(69.253.182.552)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	557.233.455	5.814.077.272
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.000.000.000)	(13.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24	5.000.000.000	14.200.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	11.613.776.313
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	515.486.194	4.713.619.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(861.487.663)	(46.011.709.592)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	974.937.017.729	899.823.248.261
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.009.509.162.023)	(1.010.366.964.133)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.145.827.424)	(1.606.548.003)
Tiền trả cổ tức	36	(223.558.272)	(7.844.874.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.941.529.990)	(119.995.138.435)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(18.737.780.191)	(615.579.947)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	38.393.001.380	38.731.411.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(356.905.514)	277.170.075
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	19.298.315.675	38.393.001.380

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2020	1/1/2020	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con có 1.740 nhân viên (1/1/2020: 1.889 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 90.928 triệu VND (1/1/2020: 109.121 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty, tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

TRÁI
NAM T

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty và các công ty con chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	735.441.718	124.383.009	231.614.978	-	36.935.749	-	1.128.375.454
Doanh thu giữa các bộ phận	-	46.894.156	28.811.875	-	29.582.070	(105.288.101)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	735.441.718	171.277.165	260.426.853	-	66.517.819	(105.288.101)	1.128.375.454
Kết quả kinh doanh của bộ phận	9.443.170	8.607.982	44.668.276	-	21.540.808	-	84.260.236
Chi phí không phân bổ							(46.656.172)
Doanh thu tài chính							19.721.465
Chi phí tài chính							(65.811.695)
Phần lãi trong công ty liên kết				8.364.231			10.575.314
Kết quả hoạt động khác							(9.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(570.159)
Lợi nhuận thuần sau thuế							1.509.444

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	626.677.590	136.332.760	330.852.292	-	57.312.498	-	1.151.175.140
Doanh thu giữa các bộ phận	104.255.042	87.269.167	57.975.422	-	11.475.215	(260.974.846)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	730.932.632	223.601.927	388.827.714	-	68.787.713	(260.974.846)	1.151.175.140
Kết quả kinh doanh của bộ phận	8.529.466	8.366.696	36.459.923	-	16.530.951	-	69.887.036
Chi phí không phân bổ							(45.769.960)
Doanh thu tài chính							18.167.891
Chi phí tài chính							(65.559.893)
Phần lãi trong công ty liên kết				10.922.767			11.900.705
Kết quả hoạt động khác							2.430.902
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.710.360)
Lợi nhuận thuần sau thuế							(10.653.679)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	87.236.197	218.183.044	31.687.338	-	19.228.330	356.334.909
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				17.423.166		37.727.502
Tài sản không phân bổ						734.281.942
Tổng tài sản						1.128.344.353
Tổng nợ phải trả						923.626.903
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020						
Tài sản của bộ phận	104.789.988	221.519.709	28.937.133	-	45.870.826	401.117.656
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				18.958.935		38.163.133
Tài sản không phân bổ						825.533.147
Tổng tài sản						1.264.813.936
Tổng nợ phải trả						1.061.961.324

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	2.959.579	500.545	932.069	-	148.626	4.540.819
Chi tiêu vốn không phân bổ						393.388
Khấu hao tài sản cố định	11.909.465	2.014.212	3.750.685	845.500	598.077	19.117.939
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						47.847.120

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	36.347.338	7.907.308	19.189.453	-	3.324.128	66.768.227
Chi tiêu vốn không phân bổ						2.484.955
Khấu hao tài sản cố định	32.902.853	7.157.966	17.370.949	1.596.157	3.009.115	62.037.040
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						5.155.252

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Doanh thu thuần của bộ phận
 Tài sản của bộ phận

- Tài sản của bộ phận phân bổ
 - Giá trị còn lại tài sản không phân bổ
- Chỉ tiêu vốn

Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
671.421.790	301.618.859	155.334.805	1.128.375.454
184.036.729	12.736.972	5.872.078	1.128.344.353
			202.645.779
			925.698.574
			7.812.698

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Doanh thu thuần của bộ phận
 Tài sản của bộ phận

- Tài sản của bộ phận phân bổ
 - Giá trị còn lại tài sản không phân bổ
- Chỉ tiêu vốn

Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
720.082.465	345.776.294	85.316.382	1.151.175.141
186.697.444	8.833.081	645.263	1.264.813.936
			196.175.788
			1.068.638.148
			69.253.183

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.284.050.788	1.578.450.797
Tiền gửi ngân hàng	18.014.264.887	36.814.550.583
	19.298.315.675	38.393.001.380

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	4.400.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 6,4% (2019: từ 6,2% đến 7,3%).
- (ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (2019: từ 7,8% đến 8,2%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	31/12/2020				1/1/2020			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.909.488.497	(*)	36,00%	36,00%	3.918.311.001	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	17.423.166.243	(*)	36,92%	36,92%	18.958.935.228	(*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	2.056.024.122	(*)	36,00%	36,00%	2.042.316.086	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	14.338.822.976	(*)	45,97%	45,97%	13.243.570.594	(*)
			<u>37.727.501.838</u>				<u>38.163.132.909</u>	

Đầu tư góp vốn vào:

- Đơn vị khác
 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

31/12/2020				1/1/2020			
Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
1.348.555.000	4.659.257.525	1.348.555.000	2.562.254.500				

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	38.163.132.909	27.085.396.303
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm công ty con chuyển thành công ty liên kết	-	13.977.006.152
Phần lãi trong các công ty liên kết	10.575.313.929	11.900.705.454
Cổ tức nhận được	(11.010.945.000)	(14.799.975.000)
Số dư cuối năm	37.727.501.838	38.163.132.909

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	119.233.824.989	82.527.229.521
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	48.483.349	2.057.484.782
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	281.977.811	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	-	1.867.747
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	4.686.453.694	12.485.874.473
Công ty Cổ phần Sợi Quảng Đà	-	22.210.498.856
Công ty TNHH Đức Hiếu	7.737.710.301	-
Các khách hàng khác	70.657.329.013	76.892.832.429
	202.645.779.157	196.175.787.808

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 7,5% (1/1/2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7% (1/1/2020: 7,5%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	297.770.000	1.749.975.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	36.995.968	37.500.000
Ký cược, ký quỹ	460.132.830	428.212.311
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	378.482.233	56.293.055
Tạm ứng	201.881.785	159.680.113
Phải thu khác	3.089.360.274	2.438.002.957
	4.464.623.090	4.869.663.436

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	476.641.559	331.393.055
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.062.606.642	1.026.375.000
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	324.000.000	486.000.000
	1.863.248.201	1.843.768.055

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (*)	5.793.421.544	5.793.421.544
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu khác	468.385.962	564.836.094
	9.461.807.506	9.558.257.638

- (*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Một phần của khoản phải thu này trị giá 2,4 tỷ VND đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ phần còn lại của khoản phải thu trị giá 2,9 tỷ VND liên quan đến các chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải thu này được trích dự phòng với số tiền là 2 tỷ VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2020				1/1/2020			
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm Từ 1 năm đến 2 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	
Công ty TNHH Thành Vin	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	5.399.999.999	(1.620.000.000)	3.779.999.999	
Các đối tượng khác	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516	Từ 6 tháng đến 1 năm	40.622.241	(12.186.672)	28.435.569	
Các đối tượng khác	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834	Từ 1 - 2 năm	-	-	-	
Các đối tượng khác	1.528.839.165	(1.528.839.165)	-	Trên 3 năm	1.771.333.336	(1.771.333.336)	-	
	14.132.817.710	(12.145.158.360)	1.987.659.350		10.213.530.003	(6.405.094.435)	3.808.435.568	
Trong đó:								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.145.158.360)				(6.405.094.435)		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.000.000.000)				-		
		(12.145.158.360)				(6.405.094.435)		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.363.780.455	-	14.615.721.617	-
Nguyên vật liệu	83.469.526.328	-	57.284.647.514	(1.681.896)
Công cụ và dụng cụ	210.938.021	-	138.642.635	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.304.680.033	-	16.174.133.995	-
Thành phẩm	50.192.655.129	(1.098.142.454)	101.188.735.062	(5.116.996.772)
Hàng hóa	2.531.238.797	(173.901.338)	15.634.146.081	(2.163.612.855)
Hàng gửi đi bán	-	-	11.818.807.979	(30.572.675)
	159.072.818.763	(1.272.043.792)	216.854.834.883	(7.312.864.198)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 2.178 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2020: 26.478 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	313.412.394.814	3.038.259.070	822.875.234.766	52.971.486.435	1.192.297.375.085
Tăng trong năm	68.727.273	-	-	-	68.727.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.725.978.213	254.118.182	30.127.303.451	139.270.405	33.246.670.251
Thanh lý	(527.295.702)	(300.948.181)	(4.264.015.074)	(285.053.235)	(5.377.312.192)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.102.177.000)	-	-	-	(2.102.177.000)
Số dư cuối năm	313.577.627.598	2.991.429.071	848.738.523.143	52.825.703.605	1.218.133.283.417
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	80.952.931.311	1.945.873.625	427.817.320.329	18.227.640.814	528.943.766.079
Khấu hao trong năm	15.384.077.948	310.506.010	42.875.559.752	4.908.560.366	63.478.704.076
Thanh lý	(527.295.702)	(300.948.182)	(3.973.171.598)	(285.053.235)	(5.086.468.717)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.760.919.261)	-	-	-	(1.760.919.261)
Số dư cuối năm	94.048.794.296	1.955.431.453	466.719.708.483	22.851.147.945	585.575.082.177
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	232.459.463.503	1.092.385.445	395.057.914.437	34.743.845.621	663.353.609.006
Số dư cuối năm	219.528.833.302	1.035.997.618	382.018.814.660	29.974.555.660	632.558.201.240

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 281.517 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 174.925 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 555.546 triệu VND (1/1/2020: 555.655 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.039.964.754
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	4.617.818.878
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	12.540.186.415
Số dư cuối năm	9.962.332.291

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 9.962 triệu VND (1/1/2020: 7.524 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	15.852.961.931
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	2.102.177.000
Số dư cuối năm	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.330.841.202
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.760.919.261
Khấu hao trong năm	803.983.279
Số dư cuối năm	9.895.743.742
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.522.120.729
Số dư cuối năm	8.059.395.189

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	46.842.686.983	22.723.918.252
Tăng trong năm	7.743.970.439	72.980.510.458
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.246.670.251)	(45.161.650.676)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(696.539.940)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(237.017.955)	(372.834.545)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.641.472.445)	(2.630.716.566)
Số dư cuối năm	18.461.496.771	46.842.686.983

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.079.345.579	13.262.879.215
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	-	315.045.271
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	35.855.784	27.628.469.689
Các công trình khác	332.928.273	622.925.673
Tổng cộng	18.461.496.771	46.842.686.983

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công cụ và dụng cụ	689.620.462	800.110.937
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.316.354.636	974.955.136
	<u>3.005.975.098</u>	<u>1.775.066.073</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.972.240.619	8.281.207.886	363.369.180	331.551.584	10.948.369.269
Tăng trong năm	-	3.326.165.531	-	60.015.280	3.386.180.811
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.641.472.445	-	-	2.641.472.445
Phân bổ trong năm	(41.517.168)	(7.831.244.728)	(31.015.428)	(281.302.724)	(8.185.080.048)
Số dư cuối năm	<u>1.930.723.451</u>	<u>6.417.601.134</u>	<u>332.353.752</u>	<u>110.264.140</u>	<u>8.790.942.477</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	105.405.220	125.357.276
Các khoản mục khác	20%	112.235.620	112.235.620
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		217.640.840	237.592.896
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(284.568.028)	(198.168.028)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(284.568.028)	(198.168.028)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		(66.927.188)	39.424.868

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	255.096.222	22.264.275
Bên khác		
AFCOM TRADING DMCC	10.353.373.780	-
CAM Negoce, Division Cotton	7.585.559.661	-
DEVCOT S.A	7.381.238.385	-
Glencore Agriculture B.V	723.220	18.743.510.207
OmniCotton Inc	5.572.135	33.302.549.551
Công ty Cổ phần Xây dựng BYD Việt Nam	4.051.733.169	9.474.605.894
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	4.867.152.942	8.084.774.800
RCMA Asia Pte. Ltd	5.344.360	24.554.758.448
Osc Cotton Trading L.L.C	-	27.788.576.777
Các nhà cung cấp khác	42.999.723.280	39.254.983.961
	77.505.517.154	161.226.023.913

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã thu/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	52.931.503.260	(52.931.503.260)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	63.019.633	-	63.019.633
Thuế thu nhập cá nhân	189.065	12.819.000	(12.819.000)	189.065
Các loại thuế khác	23.620.390	782.087.018	(749.090.165)	56.617.243
	23.809.455	53.789.428.911	(53.693.412.425)	119.825.941

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	887.932.039	74.976.595.785	(75.133.381.222)	731.146.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.333.142.769	463.807.058	(1.079.802.692)	717.147.135
Thuế thu nhập cá nhân	25.931.009	128.196.453	(141.407.751)	12.719.711
Các loại thuế khác	13.637.743	288.444.474	(289.577.190)	12.505.027
	2.260.643.560	75.857.043.770	(76.644.168.855)	1.473.518.475

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	1.529.035.571	1.120.957.745
Chi phí điện, nước phải trả	732.891.372	1.116.285.405
Chi phí khác	522.635.025	430.553.233
	2.784.561.968	2.667.796.383

21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	892.259.261	290.718.549
Cổ tức phải trả	1.316.227.250	2.084.250.440
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ)	2.490.463.413	388.019.376
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	419.986.136	852.261.816
	5.118.936.060	3.615.250.181

Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	6.212.500.000	9.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	6.331.923.822	9.331.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong năm		31/12/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
Vay ngắn hạn	329.063.437.663	958.871.070.488	(944.767.123.327)	339.951.179.864
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	49.233.158.809	40.919.028.538	(49.233.158.809)	40.864.920.203
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng (b)(ii)	2.145.827.424	2.121.847.547	(2.145.827.424)	2.119.301.586
	380.442.423.896	1.001.911.946.573	(996.146.109.560)	382.935.401.653

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4%	48.572.054.548	88.873.352.644
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	122.626.548.577	59.678.089.376
Vay ngân hàng 3	USD	4,2%	15.845.625.892	21.999.339.412
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 7,8%	50.231.923.418	30.029.238.967
Vay ngân hàng 5	VND	7,5% - 7,8%	59.281.460.357	42.557.898.612
Vay ngân hàng 6	USD	4,5% - 4,8%	1.902.978.640	28.708.852.859
Vay ngân hàng 7	USD	4% - 4,2%	34.316.820.883	51.219.073.811
Vay nhân viên	VND	5,4% - 7,5%	7.173.767.549	5.997.591.982
			339.951.179.864	329.063.437.663

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 77.170 triệu VND (1/1/2020: 41.314 triệu VND).

Khoản vay nhân viên không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn (i)	451.933.843.544	501.814.603.732
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	7.840.014.035	9.990.153.077
	459.773.857.579	511.804.756.809
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(42.984.221.789)	(51.378.986.233)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	416.789.635.790	460.425.770.576

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	134.255.276.720	136.808.523.325
Bên khác					
		4,5% -			
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	5,5%	2022	135.225.612.965	157.436.122.559
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	79.247.843.491	91.896.696.083
Vay từ ngân hàng 10	USD	7,7%	2022	19.552.506.726	27.304.202.476
Vay từ ngân hàng 11	VND	11,1%	2024	-	14.069.670.681
Vay từ ngân hàng 12	VND	6,5%	2026	9.203.215.034	-
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.300.000.000
				451.933.843.544	501.814.603.732

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 132.409 triệu VND (1/1/2020: 132.239 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 283.078 triệu VND (1/1/2020: 311.738 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 62.889 triệu VND (1/1/2020: 70.364 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong một năm	2.425.091.943	305.790.357	2.556.333.773	410.506.349
Trong hai đến năm năm	6.080.882.657	360.170.208	8.181.672.187	659.313.943
Sau năm năm	-	-	334.846.105	12.878.696
	8.505.974.600	665.960.565	11.072.852.065	1.082.698.988
				9.990.153.077

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong nợ thuế tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 246.570 USD (1/1/2020: 247.474 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9.962 triệu VND (1/1/2020: 7.524 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.520.278.732	2.526.303.936
Trích lập trong năm	202.231.688	971.562.576
Sử dụng trong năm	(741.468.591)	(977.587.780)
Số dư cuối năm	1.981.041.829	2.520.278.732

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	136.000.000.000	(12.175.488)	61.351.352.992	13.998.449.579	13.556.741.941	224.894.369.024
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	(11.672.379.135)	1.018.701.164	(10.653.677.971)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(890.812.941)	(80.749.635)	(971.562.576)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	6.582.791.095	(6.497.592.898)	(85.198.197)	-
Cổ tức	-	-	-	(6.800.000.000)	(843.615.000)	(7.643.615.000)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	(2.772.901.808)	(2.772.901.808)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	136.000.000.000	(12.175.488)	67.934.144.087	(11.862.335.395)	10.792.978.465	202.852.611.669
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	696.475.041	812.968.335	1.509.443.376
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(146.283.759)	(55.947.929)	(202.231.688)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	113.711.622	(60.731.430)	(52.980.192)	-
Cổ tức	-	-	-	-	544.464.918	544.464.918
Biến động khác	-	-	-	13.161.928	-	13.161.928
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	(11.359.713.615)	12.041.483.597	204.717.450.203

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100	136.000.000.000

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	53.006.160.167	54.957.307.167
	62.761.895.167	64.713.042.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	74.938	1.706.560.016	38.403	887.558.833
EUR	450	12.279.459	450	11.579.958
JPY	-	-	176.471	37.764.781
		1.718.839.475		936.903.572

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	888.645.827.122	1.022.644.610.139
▪ Cung cấp dịch vụ	64.982.638.304	30.624.066.230
▪ Dịch vụ gia công	160.165.954.484	94.109.755.891
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	14.509.960.695	3.842.163.617
▪ Doanh thu khác	71.073.524	-
	1.128.375.454.129	1.151.220.595.877
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(45.454.545)
Doanh thu thuần	1.128.375.454.129	1.151.175.141.332

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	839.864.374.549	981.832.943.774
Dịch vụ đã cung ứng	42.381.405.535	5.943.807.237
Dịch vụ gia công	155.938.138.908	95.611.313.254
Bất động sản đầu tư cho thuê	11.933.381.172	1.693.289.913
Giá vốn khác	38.738.448	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.040.820.406)	(3.793.249.850)
	1.044.115.218.206	1.081.288.104.328

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	514.982.162	2.281.858.904
Cổ tức được chia	213.000.000	-
Lãi do người mua chậm trả	4.448.702.421	4.472.197.923
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.828.260.778	9.417.966.950
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.700.319.172	1.287.713.960
Doanh thu khác	16.200.000	708.153.751
	19.721.464.533	18.167.891.488

32. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	53.955.571.087	54.166.445.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.855.268.601	8.887.964.074
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	181.717.126
Chi phí tài chính khác	855.074	2.323.766.121
	65.811.694.762	65.559.892.834

33. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vận chuyển	7.338.616.299	5.481.472.024
Chi phí đại lý bán hàng	2.179.161.708	3.141.563.609
Chi phí xuất khẩu	1.795.524.541	3.235.620.131
Chi phí bán hàng khác	440.430.284	580.758.268
	11.753.732.832	12.439.414.032

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương nhân viên	13.823.567.056	15.611.644.912
Dự phòng phải thu khó đòi	5.980.801.194	1.668.687.389
Chi phí phân bổ trả trước	2.084.379.789	2.660.187.624
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.723.819.683	2.506.647.355
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.289.871.294	10.883.379.660
	34.902.439.016	33.330.546.940

35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	627.244.738.436	435.343.198.520
Chi phí nhân công	156.676.345.579	164.405.090.188
Chi phí khấu hao và phân bổ	66.965.058.647	67.192.291.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.981.843.051	213.516.151.775
Chi phí khác	52.653.069.958	65.399.159.103

36. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	463.807.058	2.285.941.169
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	106.352.056	(575.580.673)
	570.159.114	1.710.360.496

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	2.079.602.490	(8.943.317.475)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	415.920.498	(1.788.663.495)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.974.857.283	1.588.612.412
Thu nhập không bị tính thuế	42.600.000	-
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.115.062.786)	(2.740.720.228)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	3.825.242.584	3.635.906.782
Điều chỉnh thuế các năm trước theo hướng dẫn tại Nghị định 132 (*)	(2.524.739.151)	-
Thuế được giảm (**)	(168.287.587)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(880.371.727)	1.015.225.025
	570.159.114	1.710.360.496

(*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ kỳ tính thuế TNDN năm 2020. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.125 triệu VND và 18.180 triệu VND được mang sang tới đa đến năm 2024 và 2025. Trong năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện điều chỉnh lại số thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132.

(**) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020, một số công ty con của Tổng Công ty có doanh thu năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dưới 200 tỷ VND và do đó, các công ty này được giảm 30% chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 696.475.041 VND (2019: lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 11.672.379.135 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (2019: 13.600.000 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2020, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm 2019 và 2020 tương ứng có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2019 và 2020, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	406.705.000	33.111.628.938
Chi phí lãi vay	4.874.698.227	5.719.946.204
Mua hàng hóa	39.920.000	57.224.920.802
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.429.551.341	7.543.855.630
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	628.545.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	207.928.040.320	106.581.685.293
Mua hàng hóa	2.244.224.776	61.342.157.161
Thu nhập lãi trả chậm	4.311.410.755	2.262.624.093
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.750.000.000	-
Nhận hỗ trợ	3.000.000.000	-
Bán hàng hóa	-	41.545.588
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	158.400.000	-
Khoản cho vay	6.500.000.000	7.400.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	8.600.000.000	10.200.000.000
Thu nhập lãi vay	348.049.059	546.662.760
Lãi do người mua chậm trả	137.291.666	150.000.000
Mua hàng	34.093.674	-
Bán hàng hóa	3.227.710.989	1.167.240.409

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	334.000.000	-
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2.512.978.428	8.438.617.604
Đầu tư vào công ty liên kết	13.972.200	-
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch		
Thù lao	18.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên		
Thù lao	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên		
Thù lao	-	-
Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	202.626.036	187.149.292
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	179.765.351	160.530.355
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	-	-
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc		
Lương thưởng	-	-
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành		
Lương thưởng	51.599.306	-
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Giám đốc Điều hành		
Lương thưởng	166.371.167	154.635.495

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản hỗ trợ phải thu	3.000.000.000	5.000.000.000
Tăng tài sản cố định thuê tài chính	-	5.425.320.000

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc